

VN-Index giằng co với thanh khoản thấp khi tiệm cận kháng cự MA50

Thứ Ba, Ngày 27 Tháng 10 Năm 2026 · BSC Research



VN-INDEX

1,761.87

▼ -1.68 (-0.10%)



GTKL (TỶ)

10,266

SO TB20

-16.9%

NN (TỶ)

-441.5

VN30

1,888.40

▼ -1.13 (-0.06%)



GTKL (TỶ)

5,280

SO TB20

-24.8%

NN (TỶ)

-207.4

HNX-INDEX

259.50

▲ +0.18 (+0.07%)



GTKL (TỶ)

475

SO TB20

-33.7%

NN (TỶ)

-8.4

UPCOM-INDEX

126.09

▼ -0.19 (-0.15%)



GTKL (TỶ)

466

SO TB20

+2.6%

NN (TỶ)

+131.4

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong biên độ hẹp quanh vùng 1,760 – 1,772 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại 1,761.87 điểm, giảm nhẹ 1.68 điểm (-0.10%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí giảm mạnh nhất, theo sau là Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Truyền thông. Ở chiều ngược lại, ngành Du lịch & Giải trí có hiệu suất tích cực nhất phiên, theo sau là Bất động sản và Tài nguyên Cơ bản. Về giao dịch khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX & HNX và mua ròng trên UPCoM. Rung lắc tiếp diễn khi VN-Index tiến lên kiểm định ngưỡng kháng cự SMA50 (1,772 điểm). Việc chỉ số hình thành cây nến thân hẹp đi kèm thanh khoản sụt giảm dưới mức trung bình 20 phiên cho thấy tâm lý thận trọng của dòng tiền khi tiếp cận vùng cản này. Trong những phiên tới, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục tích lũy trong vùng 1,730 – 1,772 điểm, với hỗ trợ là cụm MA10/MA20 và kháng cự là SMA50. Nếu vượt được SMA50 với thanh khoản cải thiện, chỉ số có thể hướng lên vùng cản tiếp theo quanh MA200 (1,796 điểm).

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều giảm theo vận động của chỉ số VN30, trừ HĐTL VN30F2M.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 27/10/2026, phần lớn các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở

Điểm nhấn

- VN-Index **-1.68** điểm, đóng cửa tại 1,761.87 điểm. HNX-Index **+0.18** điểm, đóng cửa tại 259.50 điểm. UPCoM-Index **-0.19** điểm, đóng cửa tại 126.09 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (**+5.14**), VPL (**+0.37**), MWG (**+0.27**), HVN (**+0.23**), MBB (**+0.21**).
- Kéo chỉ số giảm: VPB (**-0.83**), GAS (**-0.80**), VHM (**-0.68**), LPB (**-0.62**), BSR (**-0.52**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 10,266 tỷ đồng, giảm 13.70% so với phiên trước và thấp hơn 16.9% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 13,938 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 13.5 điểm. Sàn HOSE có 123 mã tăng (2 mã trần), 86 mã tham chiếu, 193 mã giảm (2 mã sàn).
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-441.46** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm ACB (**-176.97** tỷ), FPT (**-148.93** tỷ), GMD (**-68.77** tỷ), VPL (**-66.52** tỷ), STB (**-37.96** tỷ). Đây là phiên bán ròng thứ 3 liên tiếp; lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-120,545** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-8.37** tỷ đồng và mua ròng trên sàn UPCoM với giá trị **+131.43** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
TCB	196.51	ACB	-176.97
VNZ	170.81	FPT	-148.93
MSN	54.15	GMD	-68.77
VIB	33.46	VPL	-66.52
VIC	29.55	STB	-37.96

HOSE lũy kế năm: **-120,545** tỷ 3 phiên bán ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,677	+0.70%	-0.18%
FTSE100	10,767	+0.72%	+0.02%
Eurostoxx	6,116	+0.79%	-0.47%
Shanghai	3,648	-1.33%	-2.33%
Nikkei	63,268	+1.73%	-1.26%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	116.29	+0.41%	+6.89%
Giá vàng	3,996	-0.51%	-3.12%
USD/VND	25,836	-0.04%	-0.15%
EUR/VND	28,781	-0.34%	-1.00%
JPY/VND	164	-0.14%	+0.17%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	0 bps	0 bps
VN LS LNH 1M	5.58%	+33.3 bps	+35.0 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.



Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan	1
Thống kê thị trường	2
Biểu đồ & dòng tiền	3
Danh mục BSC30	4
Danh mục BSC50	5
Báo cáo gần đây	6
Khuyến cáo sử dụng	7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	240.20	+1.35%	+5.14	1.73
VPL	87.00	+1.16%	+0.37	1.29
MWG	75.70	+1.20%	+0.27	6.64
HVN	21.05	+1.69%	+0.23	0.67
MBB	19.65	+0.51%	+0.21	4.96

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
THD	96.50	+2.66%	+1.15	0.01
PGS	82.00	+4.46%	+0.14	0.00
SHS	12.50	+0.81%	+0.10	6.05
VC7	7.80	+9.86%	+0.04	0.71
CTB	16.20	+9.46%	+0.03	0.01

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	240.20	+1.35%	+2.85	1.73
MWG	75.70	+1.20%	+1.62	6.64
HPG	21.00	+0.48%	+0.83	10.53
MSN	73.40	+0.55%	+0.57	3.50
VJC	132.90	+0.68%	+0.39	0.89

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
COM	33.10	+6.95%	0.00
L10	35.65	+6.90%	0.01
FUEIP100	12.76	+6.87%	0.00
PLP	3.79	+6.76%	0.24
LDG	2.57	+6.64%	1.91

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
CAR	60.50	+10.00%	0.00
VNT	29.90	+9.93%	0.00
VC7	7.80	+9.86%	0.71
SDN	15.80	+9.72%	0.00
CTB	16.20	+9.46%	0.01

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VPB	23.20	-1.69%	-0.83	18.26
GAS	78.90	-1.99%	-0.80	0.70
VHM	63.50	-0.63%	-0.68	3.76
LPB	38.40	-2.54%	-0.62	2.94
BSR	28.90	-1.70%	-0.52	5.61

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
NVB	14.10	-2.08%	-0.68	0.70
IDC	36.00	-1.37%	-0.17	0.60
PVS	31.80	-0.93%	-0.11	1.35
HUT	12.50	-0.79%	-0.08	2.56
CEO	11.50	-0.86%	-0.06	3.99

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
LPB	38.40	-2.54%	-1.88	2.94
FPT	55.40	-1.07%	-1.57	8.69
VPB	23.20	-1.69%	-1.54	18.26
HDB	22.00	-0.90%	-0.73	25.42
TCB	33.55	-0.74%	-0.68	22.49

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
SRC	33.45	-6.95%	0.00
HAS	8.86	-6.93%	0.00
ASP	16.40	-6.82%	0.53
KOS	4.38	-6.81%	0.85
TMT	10.95	-6.81%	0.00

Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
PPT	8.10	-10.00%	0.00
MKV	11.80	-9.92%	0.01
NAP	10.00	-9.91%	0.00
CPC	16.50	-9.84%	0.00
GLT	21.30	-9.75%	0.00

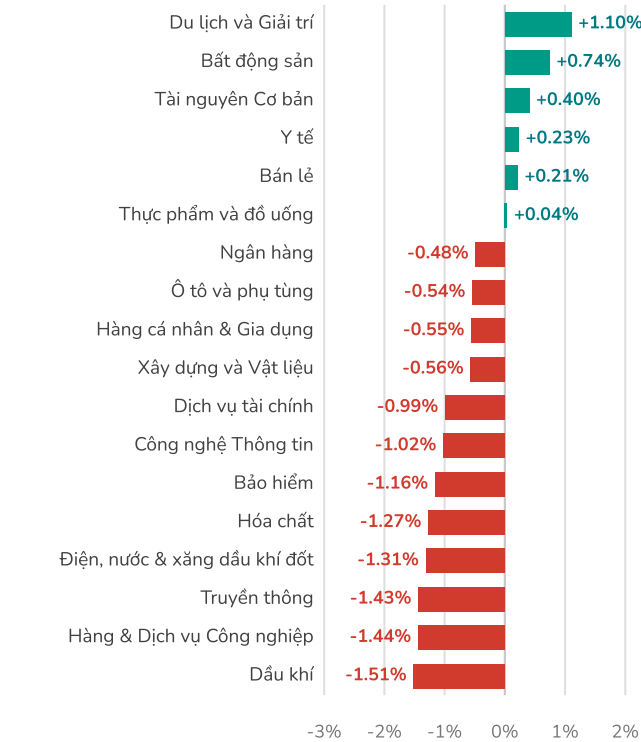
Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

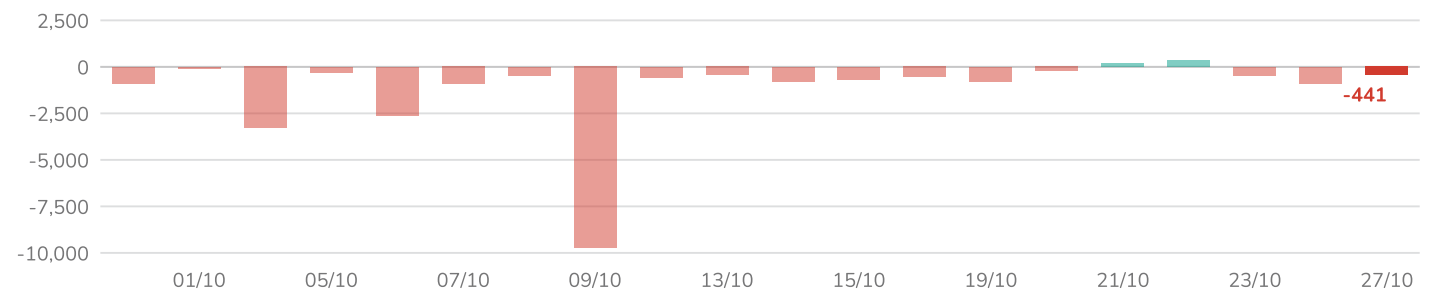
Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Bất động sản	+0.74%	1,765	51.1
Tài nguyên Cơ bản	+0.40%	491	19.2
Bán lẻ	+0.21%	663	18.7
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.31%	169	-27.3
Dầu khí	-1.51%	278	-38.8
Dịch vụ tài chính	-0.99%	1,879	-46.7
Du lịch và Giải trí	+1.10%	247	-50.5
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.44%	1,438	-105.3
Ngân hàng	-0.48%	4,577	-119.3
Công nghệ Thông tin	-1.02%	490	-150.6

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	-0.06%	7,100	-207.4
VNMID	-0.64%	5,761	-245.2
VNSML	-0.59%	885	-5.6

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Danh mục BSC30

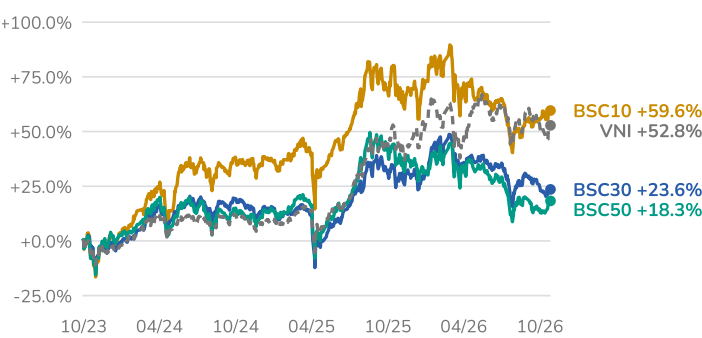
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.21%**. Các mã diễn biến tích cực: [DGC](#) (+2.49%), [MSB](#) (+1.61%), [MWG](#) (+1.20%).
- BSC50 **-0.83%**. Các mã diễn biến tích cực: [NKG](#) (+2.12%), [TCH](#) (+1.68%), [VIC](#) (+1.35%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	-0.21%	-0.83%	-0.10%	-0.06%
1 tuần	+1.24%	+1.37%	+4.13%	+2.32%
1 tháng	-0.10%	+0.59%	-0.89%	-1.36%
3 tháng	+5.54%	+5.66%	+4.83%	+3.51%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích lũy



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	75.7	+1.20%	1.1	111,710	508.5	6,659	11.4	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.9	+0.56%	1.2	25,380	45.1	1,859	14.5	42.4	6.2%	Link
KDH	Bất động sản	14.7	-0.34%	1.1	18,306	62.4	1,424	10.3	39.9	23.3%	Link
PDR	Bất động sản	11.6	-0.85%	1.3	11,575	71.5	619	18.7	28.2	7.0%	Link
VHM	Bất động sản	63.5	-0.63%	1.4	521,641	238.9	9,730	6.5	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	55.4	-1.07%	0.6	104,469	482.5	5,323	10.4	124.4	27.4%	Link
BSR	Dầu khí	28.9	-1.70%	-	144,711	163.3	3,974	7.3	-	1.6%	Link
PVS	Dầu khí	31.8	-0.93%	0.8	19,516	43.1	3,432	9.3	52.3	15.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.9	-0.83%	1.1	32,858	681.4	1,085	22.1	-	34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	19.8	0.00%	1.2	59,426	190.4	1,752	11.3	-	30.1%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	19.1	0.00%	1.1	22,065	91.8	1,249	15.3	-	14.6%	Link
DCM	Hóa chất	34.6	-2.12%	0.7	18,344	48.3	4,939	7.0	53.3	6.9%	Link
DGC	Hóa chất	32.9	+2.49%	1.1	12,495	11.7	5,603	5.9	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	21.3	0.00%	0.8	123,634	387.9	2,701	7.9	27.1	22.8%	Link
BID	Ngân hàng	33.6	-0.30%	0.9	261,737	84.3	4,250	7.9	-	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	30.4	-0.82%	1.0	235,727	115.2	5,172	5.9	53.5	24.5%	Link
HDB	Ngân hàng	22.0	-0.90%	1.0	143,151	565.7	2,942	7.5	32.7	19.3%	Link
MBB	Ngân hàng	19.6	+0.51%	0.9	197,851	97.4	3,220	6.1	32.4	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	15.8	+1.61%	0.7	58,968	250.7	1,573	10.0	14.0	6.4%	Link
STB	Ngân hàng	67.4	-0.30%	0.8	127,064	118.9	1,634	41.3	-	10.4%	Link
TCB	Ngân hàng	33.5	-0.74%	1.1	237,743	756.8	4,042	8.3	43.5	20.7%	Link
TPB	Ngân hàng	12.7	-1.55%	1.1	40,515	220.7	2,376	5.3	-	21.8%	Link
VCB	Ngân hàng	56.1	0.00%	0.9	468,753	142.0	4,984	11.3	-	19.8%	Link
VIB	Ngân hàng	14.1	+1.08%	0.7	52,669	113.4	1,990	7.1	23.0	3.8%	Link
VPB	Ngân hàng	23.2	-1.69%	1.1	232,000	424.1	3,118	7.4	36.5	22.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.1	-0.92%	0.9	6,940	35.5	2,348	6.9	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	73.4	+0.55%	1.1	107,191	255.7	6,243	11.8	100.4	24.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.6	0.00%	0.5	120,381	63.8	5,246	11.0	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.0	+0.48%	1.0	177,302	221.7	2,750	7.6	32.2	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	11.1	+0.91%	1.1	8,961	55.1	813	13.7	14.3	3.2%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	45.5	+0.66%	1.0	10,163	47.5	3,779	12.0	28.6%	-	Link
FRT	Bán lẻ	148.6	+0.41%	0.7	26,572	33.7	6,359	23.4	33.7%	-	Link
BVH	Bảo hiểm	67.8	-1.31%	0.8	50,329	32.4	4,472	15.2	27.2%	-	Link
DIG	Bất động sản	9.8	-1.71%	1.3	8,256	45.3	987	9.9	2.6%	-	Link
DXG	Bất động sản	10.0	-0.99%	1.3	12,681	171.0	157	63.9	14.7%	-	Link
HDC	Bất động sản	11.4	-3.38%	1.4	2,630	56.3	2,389	4.8	1.8%	-	Link
IDC	Bất động sản	36.0	-1.37%	1.1	15,028	21.7	5,201	6.9	14.8%	-	Link
NLG	Bất động sản	22.9	-0.65%	1.1	11,084	22.6	1,407	16.2	35.4%	-	Link
SIP	Bất động sản	49.7	-1.19%	0.8	12,033	2.7	5,867	8.5	2.2%	-	Link
SZC	Bất động sản	19.8	0.00%	1.1	3,564	15.3	891	22.2	1.4%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	12.1	+1.68%	1.4	12,140	81.3	312	38.7	9.4%	-	Link
VIC	Bất động sản	240.2	+1.35%	1.4	1,864,477	414.7	2,751	87.3	3.1%	-	Link
VRE	Bất động sản	24.4	+0.41%	1.2	55,445	70.1	3,191	7.7	11.1%	-	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	19.1	-1.79%	0.9	4,460	4.7	1,692	11.3	35.8%	-	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	132.9	+0.68%	0.8	102,212	118.9	2,830	47.0	5.2%	-	Link
PLX	Dầu khí	35.3	-0.98%	0.6	45,674	58.2	2,523	14.0	14.3%	-	Link
PVD	Dầu khí	18.5	-1.33%	0.7	17,163	57.0	1,199	15.4	8.2%	-	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	19.2	0.00%	1.1	7,333	21.2	1,054	18.3	24.6%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.4	0.00%	1.1	15,414	19.1	1,562	9.9	0.4%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.9	-1.93%	1.6	29,899	213.3	1,049	21.8	6.1%	-	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.5	-3.25%	0.9	34,740	188.6	3,991	13.4	38.8%	-	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.2	-2.52%	0.9	9,630	78.8	6,594	7.6	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.2	-1.90%	0.5	11,993	93.4	2,761	8.4	16.5%	-	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47.1	-1.26%	0.8	9,509	36.1	2,199	21.4	3.9%	-	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.1	-2.29%	1.4	8,725	109.2	4,780	3.6	27.1%	-	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.3	-0.33%	0.9	1,800	13.1	1,872	8.2	48.1%	-	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.1	-1.55%	1.0	2,459	18.9	3,692	5.2	21.5%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	21.4	-1.61%	0.7	14,516	39.9	2,608	8.2	3.3%	-	Link
GVR	Hóa chất	31.6	-1.56%	1.3	126,200	30.3	1,751	18.0	0.5%	-	Link
EIB	Ngân hàng	16.9	-1.46%	1.2	31,480	113.3	264	64.0	1.0%	-	Link
LPB	Ngân hàng	38.4	-2.54%	0.5	114,712	116.4	4,048	9.5	1.5%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.7	+1.20%	0.5	27,417	156.7	2,244	5.7	0.9%	-	Link
OCB	Ngân hàng	10.8	-1.36%	0.7	33,228	69.9	1,482	7.3	19.1%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	18.6	-1.85%	1.1	4,939	22.5	2,961	6.3	1.6%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	29.9	+1.01%	0.5	12,141	46.5	256	116.8	3.3%	-	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.8	-0.58%	0.3	54,894	16.4	3,723	11.5	58.8%	-	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	51.1	-1.73%	0.9	10,703	20.6	6,485	7.9	17.5%	-	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.1	+2.12%	1.1	5,933	99.3	338	35.6	4.6%	-	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	138.1	-0.79%	0.5	11,305	4.5	15,292	9.0	82.0%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	67.5	+1.35%	1.0	7,548	51.6	7,050	9.6	46.6%	-	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	67.7	-0.59%	0.9	8,673	7.3	5,223	13.0	5.5%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	30.3	+0.83%	1.0	3,593	21.3	3,530	8.6	18.4%	-	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.5	+0.42%	0.9	5,469	20.3	1,164	8.2	9.9%	-	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	19.1	-1.54%	0.8	7,876	7.3	2,809	6.8	8.4%	-	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.2	+0.66%	0.9	10,647	35.0	5,869	2.6	2.0%	-	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.4	-4.21%	1.2	19,884	69.8	4,003	11.1	0.9%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	78.9	-1.99%	0.9	190,382	55.5	5,269	15.0	2.1%	-	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.1	-0.99%	1.1	6,125	9.1	2,298	6.5	15.7%	-	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.4	-1.20%	1.0	38,041	64.2	2,049	6.0	4.1%	-	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	45.5	-0.76%	0.4	28,396	6.5	4,237	10.8	49.0%	-	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator 10.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
2	BSC Navigator T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
3	BSC Navigator T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
4	BSC Insight Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
5	BSC Insight Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		–
6	BSC Navigator T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
7	BSC Navigator T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
8	BSC Navigator T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
9	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
10	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
11	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
12	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
13	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
14	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
15	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
16	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
17	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
18	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
19	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
20	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
21	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
22	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
23	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem
24	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách

Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm

Ngành - Doanh nghiệp

Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung

Trưởng nhóm

Định lượng

Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>